

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2020/DS-PT

Ngày 22-7-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số 56/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị V**, sinh năm 1976; Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị V: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30-9-2019)

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị Kim L**, sinh năm 1967; Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị **Kiều Thị V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Kiều Thị V** và người đại diện theo ủy quyền của chị **V** – chị **Nguyễn Thị H** trình bày:*

Chị L tham gia nhiều dây hụi do chị V làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 20-11-2017 (âm lịch), gồm 16 phần, mỗi tháng mở 01 lần; chị L tham gia 02 phần và hốt các phần hụi vào kỳ thứ nhất, số tiền hốt hụi bao nhiêu không nhớ, sau khi hốt hụi chị L góp hụi lại nhưng còn nợ 09 kỳ x 02 phần, mỗi kỳ 3.000.000 đồng, tổng cộng 54.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 20-12-2017 (âm lịch), gồm 16 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần; chị L tham gia 01 phần và hốt các phần hụi vào kỳ thứ nhất, số tiền hốt hụi bao nhiêu không nhớ, sau khi hốt hụi chị L góp hụi lại nhưng còn nợ 08 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng, tổng cộng 24.000.000 đồng.

- Ngoài ra, chị L còn nợ chị V tiền các dây hụi khác, tiền vay gồm các khoản: Ngày 29-01-2018 (âm lịch) nợ tiền hụi 40.000.000 đồng; ngày 08-02-2018 (âm lịch) nợ tiền hụi 10 ngày x 800.000 đồng = 8.000.000 đồng; vào ngày tháng nào không nhớ nhưng trong năm 2018 chị L có nợ 12.000.000 đồng của tiền hụi ngày, 60 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng; ngày 11-02-2018 (âm lịch) chị L nợ 20.000.000 đồng tiền vay trả góp. Đến ngày 10-02-2018 (âm lịch) chị V và chị L cộng lại thì chị L còn nợ chị V tổng cộng 80.000.000 đồng. Chị L có ký tên vào sổ chị V.

- Ngày 03-6-2018 (âm lịch) chị L và chị V chốt lại tiền nợ hụi cũ, theo đó chị L còn nợ chị V 60.500.000 đồng, chị L có ký tên vào sổ chị V.

Chị Đặng Thị Kim L còn nợ chị Kiều Thị V tổng cộng 218.500.000 đồng. Nay chị V yêu cầu chị L trả số tiền nợ trên, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn chị Đặng Thị Loan trình bày:

Chị có tham gia nhiều dây hụi do chị V làm chủ thảo cụ thể:

- Dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 20-11-2017 (âm lịch) gồm 16 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, chị tham gia 02 phần và đã hốt hụi vào kỳ thứ nhất cả 02 phần được 52.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị góp hụi lại cho chị V, nhưng đến nay còn nợ lại 09 kỳ mỗi kỳ 3.000.000 đồng x 02 phần, tổng cộng 54.000.000 đồng.

- Dây 3.000.000 đồng, mở ngày 20-12-2017 (âm lịch), gồm 16 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, chị tham gia 01 phần và được lĩnh hụi vào kỳ thứ nhất, được 26.000.000 đồng (15 phần x 1.800.000 đồng = 27.000.000 đồng – 1.000.000 đồng tiền hoa hồng = 26.000.000 đồng), sau khi lĩnh hụi chị có góp hụi lại cho chị V, nhưng đến nay còn nợ lại 08 kỳ x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 03-6-2018 âm lịch chị có chốt sổ với chị V số tiền nợ hụi cũ còn nợ là 60.500.000 đồng.

Cả 02 lần hốt hui và chót nợ cũ 60.500.000 đồng chị đều có ký tên nhận nợ với chị V. Theo chị V trình bày ngày 10-2-2018 hai bên tính tiền hui ngày và tiền vay chị nợ chị V 80.000.000 đồng là đúng, nhưng trong sổ chị giữ do chị V ghi thì nhiều lần chị hốt hui đã cần trừ và trả góp mỗi tháng 1.400.000 đồng trong đó có 200.000 đồng tiền lãi là xong khoản nợ này; chị V đã gạch bỏ nội dung này trong sổ của chị. Do đó đến nay, chị chỉ còn nợ chị V tiền 03 dây hui 78.000.000 đồng, tiền nợ hui cũ 60.500.000 đồng, tổng cộng 138.500.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này.

Tại bản án sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 về họ, hui, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị V đối với chị Đặng Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Buộc chị Đặng Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho chị Kiều Thị V 138.500.000 (một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền nợ hui và nợ vay. Ghi nhận chị V không yêu cầu chị L phải trả tiền lãi suất.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị V đối với Đặng Thị Kim L về tiền nợ vay, nợ hui 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:**

Theo đơn kháng cáo đề ngày 25-12-2019 của chị Kiều Thị V yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị.

*** Ý kiến Kiểm sát viên:**

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị V; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị V và chị L thống nhất ngày 03-6-2018 hai bên có chốt khoản nợ 60.500.000 đồng. Nhưng chị V cho rằng khoản nợ 60.500.000 đồng này là khoản nợ hui tháng, hui tuần và hui ngày mà chị L còn nợ không thuộc khoản nợ 80.000.000 đồng chốt ngày 10-02-2018. Khoản nợ 80.000.000 đồng gồm tiền vay 40.000.000 đồng vay ngày 29-01-2018, tiền hui ngày 40 phần mỗi ngày 800.000 đồng 10 ngày là 8.000.000 đồng, tiền hui 1.000.000 đồng/tháng chị L nợ 12 kỳ là 12.000.000 đồng, tiền vay 20.000.000 đồng của nhiều lần vay được chốt vào ngày 11-02-2018 và tiền lãi 2.400.000 đồng chị L trả 400.000 đồng còn lại 2.000.000 đồng. Chứng cứ là tờ chốt nhận nợ ngày 03-6-2018 đối với khoản nợ 60.500.000 đồng và tờ chốt nợ ngày 10-02-2018 do chị V viết, chị L ký tên.

[2] Chị L không thống nhất với lời trình bày của chị V. Chị L cho rằng, khoản nợ 60.500.000 đồng là khoản nợ trong khoản 80.000.000 đồng chị ký xác nhận vào ngày 10-02-2018, trong đó có tiền vay trả lãi hàng tháng, tiền vay trả góp hàng ngày và tiền hui ngày, hui tuần; chị chưa bao giờ vay của chị V khoản tiền lớn 01 lần 40.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ ngày 10-02-2018, chị đã trả cho chị V nhiều lần đến ngày 03-6-2018 chị không còn khả năng trả nữa nên chốt nợ lại thì chị còn nợ chị V 60.500.000 đồng trong đây bao gồm tiền hui ngày, hui tuần, tiền vay và tiền lãi, chị đồng ý ký xác nhận nợ cho chị V. Khi chốt nợ và trả tiền chị V đều khi trong sổ chị V và sổ của chị, phần nào đã tính chị V gạch chéo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V xác nhận toàn bộ chữ viết và dấu gạch chéo trong sổ chị L cung cấp là do chị V viết trùng khớp với tờ chốt nợ ngày 03/6 và ngày 10/02/2018 do chị V cung cấp. Tuy nhiên trong các tài liệu này đều không thể hiện tiền vay cụ thể chỉ thể hiện chung chung. Trong sổ chị L giữ thể hiện chị L đã góp hui, đã trả tiền cho chị V nhiều lần. Trang cuối cùng thể hiện chốt nợ cuối cùng là ngày 03-6-2018 chị L nợ chị V 60.500.000 đồng. Chị V cho rằng đó là những dây hui khác, khoản nợ khác không phải của khoản nợ 80.000.000 đồng, nhưng ngoài 03 tài liệu chị V đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác. Do đó, chứng cứ chị L cung cấp có tính logic chứng minh cho lời trình bày của chị L là có cơ sở. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị V đối với khoản nợ 80.000.000 đồng là đúng. Chị V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của chị là có căn cứ, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận; giữa nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Chị Kiều Thị V phải chịu 300.000 theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Kiều Thị V; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 155/2019/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị V đối với chị Đặng Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hội.

Buộc chị Đặng Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho chị Kiều Thị V 138.500.000 (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền nợ hội và nợ tiền vay. Ghi nhận chị V không yêu cầu chị L trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị V đối với Đặng Thị Kim L đối với 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng tiền nợ hội nợ vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Kiều Thị V phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị V đã nộp 5.462.000 (Năm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015918 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị Kiều Thị V 1.462.000 đồng.

Chị Đặng Thị Kim L phải chịu 6.925.000 (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Chị Kiều Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp thay cho chị Kiều Thị V 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000218 ngày 25-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị V đã nộp xong khoản tiền này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

